

## BÀI 5. XÃ HỘI NGUYÊN THỦY

### I MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Sau bài học này, giúp HS:

#### 1. Về kiến thức

- Mô tả được sơ lược các giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thủy.
- Trình bày được những nét chính về đời sống vật chất, tinh thần và tổ chức xã hội của xã hội nguyên thủy.
- Nhận biết được vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thủy cũng như xã hội loài người.
- Nêu được đôi nét về đời sống của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam.

#### 2. Về kĩ năng, năng lực

- Biết sưu tầm, khai thác tư liệu, kênh hình trong học tập lịch sử, rèn luyện năng lực tìm hiểu lịch sử.
- Biết trình bày, phản biện, tranh luận về một vấn đề lịch sử, rèn luyện năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.

#### 3. Về phẩm chất

Tiếp tục bồi dưỡng các phẩm chất chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm.

## **II CHUẨN BỊ**

### **1. Giáo viên**

- Giáo án biên soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.
- Bản đồ treo tường các di chỉ thời đại đồ đá và đồng ở Việt Nam.
- Một số tranh ảnh về công cụ, đồ trang sức, ... của người nguyên thủy.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

### **2. Học sinh**

- SGK.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

## **III MỘT SỐ LƯU Ý VỀ NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP**

– Về các giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thủy, SGK chỉ giới thiệu rất khái quát về hai giai đoạn là: bầy người nguyên thủy và công xã thị tộc. Mỗi giai đoạn đều đề cập những nét cơ bản về đời sống vật chất, tổ chức xã hội và đời sống tinh thần.

**I. Các giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thủy, cần lưu ý một số điểm sau đây:**

– Trong giai đoạn bầy người nguyên thủy (là giai đoạn Người tối cổ, kéo dài hàng triệu năm), do con người vừa thoát thai khỏi giới động vật, công cụ lao động thô sơ, trình độ thấp kém, ... nên người ta phải sống dựa vào nhau, dùng sức mạnh tập thể để tìm kiếm thức ăn và tự bảo vệ mình, tạo thành những “bầy người”. Họ sống lang thang, nay đây, mai đó, hái lượm hoa quả, đào củ cây, săn bắt thú để ăn. Tựu nhiên, bầy người nguyên thủy đã là một tổ chức xã hội đầu tiên của loài người, khác hẳn với các bầy động vật khác: trong bầy người có người đứng đầu, chỉ huy mọi công việc, có sự phân công lao động giữa nam và nữ, biết chế tạo công cụ lao động, phát minh ra lửa,...

– Một nội dung khác, khá quan trọng, được viết lồng vào mục này. Đó là vai trò của lao động. Lao động không chỉ làm cho vượn dần chuyển biến thành người (được đề cập trong bài trước), mà chính trong quá trình lao động, con người biết chế tạo công cụ, phát minh ra lửa, ... biết dựa vào nhau để sống, tạo thành bầy người, tách hẳn khỏi các bầy động vật khác.

– Khi Người tinh khôn xuất hiện thì bầy người cũng tan rã, hình thành tổ chức xã hội chặt chẽ hơn là thị tộc và bộ lạc. Chặt chẽ hơn vì: Một là, có quan hệ huyết thống. Mọi thành viên trong thị tộc đều là anh em, họ hàng của nhau, có thể do cùng một bà mẹ đẻ ra; Hai là, có quan hệ cộng đồng, cùng làm chung, hưởng chung (vì vậy nên gọi là công xã thị tộc). Mọi người đều bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, trong đó người đàn bà lớn tuổi nhất (có thể là mẹ hay cụ tổ xa xôi) có thể được bầu làm tộc trưởng (đứng đầu thị tộc) hay tù trưởng (đứng đầu bộ lạc) để điều hành công việc chung (gọi là công xã thị tộc mẫu quyền – tuy nhiên, khái niệm này không được đưa vào SGK vì với lớp 6 Chương trình môn học không yêu cầu). Chế độ đó còn được gọi là chế độ cộng sản nguyên thủy.

– Đời sống vật chất và tinh thần của con người trong giai đoạn này đã có những tiến bộ vượt bậc. Giai đoạn này thuộc thời đại đồ đá mới – “cách mạng đá mới”. Con người đã biết tới các kĩ thuật mài, cưa, khoan đá,... tạo nên những công cụ có hình dáng rõ ràng và sắc, nhọn hơn. Đến giai đoạn này, con người đã biết đến trồng trọt và chăn nuôi nguyên thủy, dệt vải, làm gốm,...; đã có đời sống tâm linh với những tín ngưỡng như: thờ thần linh, vật tổ,...; biết sáng tạo nghệ thuật nguyên thủy, như: vẽ tranh trên vách đá, nặn tượng bằng đất nung,...

**2. Về đời sống vật chất và tinh thần của người nguyên thủy trên đất Việt Nam:** Có thể biết được qua quá trình phát triển của các nền văn hoá đồ đá được phân bố rải rác trên khắp mọi miền đất nước. Ở vùng Bắc Bộ có văn hoá Hoà Bình, Bắc Sơn (Lạng Sơn); ở miền Trung có các nền văn hoá gắn liền với các di chỉ khảo cổ như: Quỳnh Văn (Nghệ An), Bàu Tró (Quảng Bình), Lung Leng (Kon Tum), Cầu Sắt, Dốc Chùa (Đồng Nai),... Các di chỉ này đều thuộc thời đại đồ đá mới. Những hiện vật phong phú được tìm thấy trong các di chỉ này đã phản ánh khá rõ nét đời sống vật chất và tinh thần của cư dân.

– Bước vào thời đại đá mới, người nguyên thủy ở Việt Nam cũng đã biết tới kĩ thuật mài, khoan, cưa đá. Lúc đầu họ chỉ mài ở một rìa của công cụ, tạo nên những rìa lưỡi sắc bén hơn, sau đó biết mài toàn thân, làm thành những chiếc rìu có hình tứ giác, rìu có cán để buộc cán gỗ,... Đồ gốm được phát hiện cực kì nhiều trong các di chỉ đá mới ở Việt Nam, hoa văn phong phú và mang tính chất trang trí.

Tuy nhiên, thành tựu nổi bật nhất là họ đã biết tới trồng trọt và chăn nuôi gia súc. Trong các hang động thuộc văn hoá Hoà Bình đã tìm được khá nhiều xương thú là các vật nuôi, dấu vết các loại hạt rau, đậu,...

## **IV GỢI Ý CÁCH THỨC TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU**

### **1. Mở đầu**

– GV có thể sử dụng hình 1 trong SGK hoặc bất cứ bức tranh, công cụ lao động,... của người nguyên thủy nào khác, với mục đích là gợi sự tò mò, mong muốn tìm hiểu về đời sống của người nguyên thủy của HS. GV dẫn dắt để HS thấy cái hay, cái giá trị thông qua quan sát bức tranh hoặc những vật dụng này đồng thời để chứng minh ngược lại với những quan niệm cho rằng người nguyên thủy chỉ biết “ăn lông, ở lỗ, ăn sống, nuốt tươi”..

– *Hình 1. Bức tranh của người nguyên thủy vẽ cảnh đi săn:* Người nguyên thủy biết dùng những mảnh đá nhọn khắc sâu vào vách hang đá để vẽ hình. Vì vậy, hình người và động vật chỉ là một nét khắc, sau đó họ mới biết vẽ thêm cho có thân, có đầu. Nhiều bức tranh còn được tô màu, chủ yếu là màu đỏ. Trong hình vẽ những người cầm cung đang nhắm bắn vào một đàn hươu đang chạy. GV định hướng để HS có những suy luận, nhận xét bước đầu về đời sống vật chất, tinh thần của người nguyên thủy thông qua quan sát bức tranh này. Trên cơ sở đó, GV dẫn dắt vào bài học mới.

## 2. Hình thành kiến thức mới

### Mục 1. Các giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thủy

#### a) Nội dung chính

– Giới hạn thời gian: Từ khi người nguyên thủy xuất hiện đến khi xã hội có giai cấp và nhà nước hình thành, kéo dài hàng triệu năm.

– Bầy người nguyên thủy:

+ Là tổ chức xã hội sơ khai đầu tiên của loài người, có người đứng đầu, có sự phân công lao động giữa nam và nữ,...

+ Biết chế tạo công cụ lao động bằng đá, được ghè đẽo thô sơ.

+ Đời sống dựa vào săn bắt, hái lượm, biết tạo ra lửa.

– Công xã thị tộc:

+ Gắn liền với sự xuất hiện của Người tinh khôn (khoảng 15 vạn năm trước).

+ Công cụ lao động đã được mài cho sắc bén và đẹp hơn; chế tạo cung tên, làm đồ gốm, dệt vải, đặc biệt đã biết đến trồng trọt và chăn nuôi.

+ Biết chế tạo, sử dụng đồ trang sức, sáng tạo nghệ thuật (vẽ tranh trên vách hang đá,...).

#### b) Tư liệu, kênh hình cần khai thác

– Hình 2. Hình ảnh thực nghiệm cách chế tạo công cụ đá của người nguyên thủy. Đây là hình ảnh minh họa nhưng dựa trên những thực nghiệm có thật. Người nguyên thủy dùng một hòn cuội (hoặc đá) ghè vào mũi hay rìa cạnh của hòn đá khác, tạo thành những rìa sắc cạnh hay mũi nhọn để làm công cụ đào củ, chặt cành, săn thú và tự vệ,...

– GV có thể tìm thêm trên internet các tranh ảnh minh họa về cuộc sống của người nguyên thủy và miêu tả thêm để HS dễ hình dung. Họ đã biết tìm kiếm thức ăn bằng cách cùng nhau săn bắt một số loài động vật, hái lượm các loại rau, củ có sẵn trong tự nhiên. Họ đã biết tạo ra lửa để làm chín thức ăn và xua đuổi thú dữ; biết tìm những chỗ ấm áp, kín đáo, an toàn hơn (trong hang động, mái đá hay dựng những túp lều để làm nhà ở); biết dùng vỏ cây, da thú để làm quần áo,... Cuộc sống của những bầy người nguyên thủy đã có sự phân công lao động rõ ràng dần ổn định hơn, khác hẳn với cuộc sống của những bầy động vật cùng tồn tại trong tự nhiên.

#### c) Gợi ý các hình thức tổ chức dạy học

– GV đặt câu hỏi: Xã hội nguyên thủy đã trải qua những giai đoạn phát triển nào? Để trả lời câu hỏi đó, GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm hai câu hỏi:

+ Xã hội nguyên thủy đã trải qua những giai đoạn phát triển nào?

+ Hãy cho biết đời sống vật chất, tinh thần của Người tối cổ và Người tinh khôn.

GV hướng dẫn HS đọc và khai thác thông tin trong Bảng hệ thống các giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thủy trên thế giới để trả lời câu hỏi.

*Yêu cầu cần đạt:* HS trả lời được:

+ Xã hội nguyên thủy trải qua hai giai đoạn: bầy người nguyên thủy (Người tối cổ) và công xã thị tộc (Người tinh khôn).

+ Nét chính về đời sống vật chất, tinh thần, tổ chức xã hội của Người tối cổ và Người tinh khôn.

– GV có thể phân tích thêm để mở rộng và khắc sâu kiến thức cho HS:

+ Quay lại trục thời gian ở đầu chương để giới thiệu về giai đoạn “xã hội nguyên thủy”: Xã hội nguyên thủy bắt đầu từ khi con người thoát thai khỏi giới động vật, trở thành Người tối cổ và tồn tại đến hết giai đoạn công xã thị tộc. Như vậy, thời gian là từ khoảng 4 triệu năm trước đây đến khoảng 4 000 năm TCN, xã hội nguyên thủy phát triển qua hai giai đoạn nhỏ: bầy người nguyên thủy và công xã thị tộc mẫu quyền. Khi xuất hiện công xã thị tộc phụ quyền thì xã hội nguyên thủy đã dần tan rã.

+ Về giai đoạn bầy người nguyên thủy:

GV có thể đặt câu hỏi: *Vì sao giai đoạn đầu khi loài người vừa hình thành lại phải sống với nhau theo từng bầy?* Câu trả lời dựa theo những gợi ý trong mục III.

Về cách chế tạo công cụ lao động (hình 2): GV có thể phân tích thêm để HS hiểu tác dụng của hoạt động này: một là, để chế tạo ra những công cụ nhọn và sắc hơn, gọi là công cụ bậc 2 (động vật chỉ biết sử dụng công cụ bậc 1, tức là những cành cây hay hòn đá có sẵn trong tự nhiên, chưa biết chế tạo); hai là, làm thay đổi dần cơ thể Người tối cổ (não phát triển do có tư duy, hai chi trước trở nên khéo léo hơn, dần trở thành hai tay,...); ba là, tích lũy kinh nghiệm dẫn tới sự phát minh ra lửa bằng việc cọ xát hai hòn đá với nhau.

Từ sự phân tích tác động của thao tác chế tạo công cụ và sự khác nhau giữa bầy người với bầy động vật, GV đã có thể làm rõ về đời sống vật chất, đời sống tinh thần và tổ chức xã hội của bầy người nguyên thủy.

+ Về giai đoạn công xã thị tộc:

GV có thể đặt câu hỏi: *Thế nào là công xã thị tộc?* GV định hướng HS khai thác phần *Em có biết* (tr.21) để hình thành khái niệm, gồm hai vế: một là, thị tộc (là một nhóm người có cùng dòng máu, sống quần tụ với nhau); hai là, công xã (một tổ chức xã hội cộng đồng, trong đó mọi cái đều là của chung, mọi người đều cùng làm, cùng hưởng). Vậy công xã thị tộc là một tổ chức xã hội mà trong đó mọi thành viên đều có cùng huyết thống, bình đẳng và cùng làm chung, hưởng chung.

– Về vai trò của lao động đối với sự phát triển của người nguyên thủy và xã hội loài người, GV nêu vấn đề để HS suy nghĩ, trả lời: *Để sinh tồn và phát triển, người nguyên thủy làm gì? Những hoạt động đó có tác động ngược trở lại như thế nào đối với sự phát triển của người nguyên thủy và xã hội loài người?*

*Yêu cầu cần đạt:* Dựa vào kiến thức đã học, HS nêu được: Người nguyên thủy luôn phải lao động (săn bắt, hái lượm) để có thức ăn; phải chế tác công cụ, cải tiến công cụ để tăng năng suất và hiệu quả lao động,...

GV kết luận, khắc sâu cho HS rõ vai trò của lao động đối với xã hội nguyên thủy.

## **Mục 2. Đời sống vật chất và tinh thần của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam**

### **a) Nội dung chính**

– Đời sống vật chất:

- + Người nguyên thủy biết mài đá, tạo thành nhiều công cụ: rìu, chày, cuốc đá,...; dùng tre, gỗ, xương, sừng để làm mũi tên, mũi lao,...
- + Bước đầu biết trồng trọt và chăn nuôi (tìm thấy nhiều xương gia súc, dấu vết của các cây ăn quả, rau đậu,...).
- + Biết làm đồ gốm với nhiều kiểu dáng, hoa văn trang trí phong phú.
- Đời sống tinh thần:
- + Biết làm đàn đá, vòng tay bằng đá và vỏ ốc, làm chuỗi hạt bằng đất nung, biết vẽ tranh trên vách hang,...
- + Đời sống tâm linh: chôn theo người chết cả công cụ và đồ trang sức,...

#### b) Tư liệu, kênh hình cần khai thác

- Hình 3. Rìu mài lưỡi Bắc Sơn: Văn hoá Bắc Sơn thuộc thời đại đá mới, được phân bố ở vùng Đông Bắc (Lạng Sơn, Thái Nguyên,...) và rải rác vào tới Quảng Bình. Công cụ đặc trưng là rìu mài lưỡi (người ta chọn những hạch đá dài hoặc hình ô-van vừa tay cầm, hoặc những mảnh đá dài rồi mài vệt hẵn một đầu làm lưỡi, dùng để cắt, chặt, đào củ,...). Ở đây cũng tìm thấy khá nhiều các loại chày, bàn nghiền hạt chứng tỏ nghề nông đã hình thành.

- Hình 4. Lược đồ di chỉ thời đồ đá và đồ đồng ở Việt Nam: Lược đồ thể hiện một số địa điểm tiêu biểu nhất đã phát hiện dấu tích của con người từ thời đại đồ đá (đồ đá cũ và đồ đá mới) đến thời đại đồ đồng ở Việt Nam. Các kí hiệu trên lược đồ cho thấy, các di chỉ đồ đá mới được phân bố rải rác khắp mọi miền của đất nước ta.

- Hình 5. Hình mặt người khắc trên vách hang Đông Nội: Đây là hình khắc được bà M. Cô-la-ni – nhà khảo cổ học người Pháp phát hiện trên vách hang Đông Nội (Hoà Bình). Vết khắc sâu, còn khá rõ nét, miêu tả mặt và đầu người búi tóc (hình ba chạc trên đầu người có nhiều cách suy đoán khác nhau: có ý kiến cho rằng đó là kiểu búi tóc khá phổ biến của người Việt cổ, và cũng có ý kiến đó là đội mũ cắm lông chim giống như được chạm nổi trên mặt trống đồng).

- Hình 6. Gốm Quỳnh Văn với những hoa văn chải, nan rá trên thân gốm. Với hoa văn chải: khi đồ gốm còn ướt người ta dùng nan tre giống cái lược chải đều trên thân gốm, tạo thành những đường hoa văn đều song song. Với hoa văn nan rá: cách làm cũng tương tự như trên, nhưng chải hai chiều cắt nhau, tạo thành những ô như nan rá. Đây là những mô típ hoa văn phổ biến trong kĩ thuật làm gốm ban đầu, về sau càng ngày càng phức tạp và đẹp hơn.

#### c) Gợi ý các hình thức tổ chức dạy học

- GV có thể cho HS tìm trên Lược đồ các di chỉ thời đồ đá và đồ đồng ở Việt Nam các di chỉ thuộc thời đại đồ đá mới ở Việt Nam. Từ đó, nhấn mạnh: các di chỉ đá mới ở Việt Nam được phân bố rải rác khắp mọi miền đất nước. Chúng ta đến thời đá mới, cư dân đã định cư gần như trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam ngày nay. Qua các hiện vật được tìm thấy trong các di chỉ, chúng ta biết khá chi tiết về đời sống vật chất và tinh thần của người xưa.

- GV có thể cho HS quan sát một số hiện vật, đọc thông tin và tự rút ra những nội dung chính về đời sống vật chất, tinh thần của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam.

*Yêu cầu cần đạt:* HS nêu được những nét chính về đời sống vật chất, tinh thần của người nguyên thủy:

+ Người nguyên thủy biết mài đá, tạo thành nhiều công cụ: rìu, chày, cuốc đá,...; dùng tre, gỗ, xương, sừng để làm mũi tên, mũi lao,...

+ Bước đầu biết trồng trọt và chăn nuôi (tìm thấy nhiều xương gia súc, dấu vết của các cây ăn quả, rau đậu,...).

+ Biết làm đồ gốm với nhiều kiểu dáng, hoa văn trang trí phong phú.

+ Người Việt cổ đã biết làm đồ trang sức bằng nhiều vật liệu khác nhau.

+ Biết vẽ, khắc những bức tranh, có thể là quan niệm về tín ngưỡng, thể hiện óc thẩm mỹ, bước đầu biết đến nghệ thuật của người xưa.

– Trên cơ sở đó, GV định hướng HS tiếp tục khai thác và chỉ ra những cách làm phong phú đời sống tinh thần của người Việt cổ (làm đàn đá, làm đồ trang sức bằng nhiều chất liệu khác nhau – vòng đeo tay, đeo cổ,... bằng đất nung, vỏ ốc, răng thú,... có đục lỗ để xuyên dây đã được tìm thấy ở nhiều di chỉ khác ngoài văn hoá Hoà Bình).

GV nhấn mạnh: Hoa văn đồ gốm (như hình 6) cũng mang tính đồ hoạ, trang trí hơn. Lúc đầu, người ta chỉ vạch những đường ngang, dọc trên thân gốm để tạo các khe hở cho gốm, khi nung đồ sẽ không bị nứt (chỉ là giải pháp kĩ thuật), sau vẽ thành các đồ hoạ đẹp, mang tính trang trí đẹp mắt.

– GV tổ chức cho HS quan sát hình rìu mài lưỡi Bắc Sơn và hình công cụ đá Núi Đọ, thảo luận và trả lời câu hỏi: *Kĩ thuật chế tác công cụ Bắc Sơn có điểm gì tiến bộ hơn Núi Đọ?*

*Yêu cầu cần đạt:* HS nhận biết và trả lời được sự tiến bộ vượt bậc của kĩ thuật mài (công cụ Bắc Sơn) so với kĩ thuật ghè đẽo (công cụ Núi Đọ): với nguyên liệu đá thì chỉ có mài cho mòn dần mới có thể tạo ra những loại hình công cụ theo đúng hình dáng mà người chế tạo mong muốn, còn ghè đẽo thì đá sẽ vỡ lung tung, không theo ý muốn,...

### **3. Luyện tập và vận dụng**

**Câu 1.** Câu hỏi có tính chất khái quát. Tuy nhiên nội dung đã có sẵn trong bài, HS chỉ cần vận dụng để trình bày và chứng minh cho quan điểm của mình. HS cần nhìn nhận suốt quá trình, từ quá trình chuyển biến từ Vượn người thành người đến những thay đổi trong đời sống vật chất, tinh thần của người nguyên thủy để thấy được vai trò quyết định của lao động.

Lao động và chính trong lao động mà từ một loài vượn người đã dần dần biến đổi (từ chỗ đi bằng bốn chân rồi đi bằng hai chân, hai chi trước trở nên khéo léo và trở thành hai bàn tay, hớp sọ phát triển, thể tích sọ não lớn hơn,...) để trở thành Người tối cổ, rồi thành Người tinh khôn. Cũng chính nhờ có lao động (trong chế tác công cụ lao động, từ chỗ chỉ biết ghè đẽo thô sơ tiến tới biết mài, khoan, cưa đá,...; trong đời sống: từ chỗ phải sống trong các hang đá tiến tới biết làm những túp lều bằng cành cây, lợp lá hoặc cỏ khô, biết chế tạo ra lửa để sưởi ấm và nung chín thức ăn; từ chỗ phải sống thành từng bầy để tự bảo vệ và tìm kiếm thức ăn tiến tới các tổ chức xã hội chặt chẽ hơn là công xã thị tộc “cùng làm cùng hưởng”,...), loài người phát triển ngày càng tiến bộ hơn qua các giai đoạn bầy người nguyên thủy đến công xã thị tộc.

**Câu 2.** Đây cũng là một câu hỏi đòi hỏi vận dụng kiến thức để giải quyết một yêu cầu nhận thức, góp phần rèn luyện năng lực tư duy, nhận thức lịch sử. Sự tiến bộ vượt bậc trong đời sống vật chất của Người tinh khôn là sự xuất hiện của trồng trọt và chăn nuôi. Nó có tác dụng: một là, giúp con người chủ động tự tìm kiếm thức ăn, ít phụ thuộc vào thiên nhiên hơn; hai là, tăng thêm nhiều nguồn thức ăn, ít bị nạn đói đe dọa hơn. Về tổ chức xã hội: tổ chức công xã thị tộc đã có sự gắn bó hơn nhờ có quan hệ huyết thống, có sự phân công lao động và cùng làm, cùng hưởng,...

**Câu 3.** Trên lược đồ không có tên và ranh giới các tỉnh, thành hiện nay. Vì vậy, GV cần hướng dẫn HS đối chiếu với bản đồ Việt Nam hiện tại để tìm và trả lời chính xác. Cũng có thể rút gọn câu hỏi này bằng cách yêu cầu HS tìm xem trong tỉnh hoặc khu vực em đang sống có những di chỉ nào.

Sự phân bố các di chỉ cho thấy con người đã sống rải rác khắp mọi miền trên đất nước Việt Nam hiện nay, từ miền đồi núi đến đồng bằng, ven biển và cả hải đảo.